

HẬU QUẢ KINH TẾ DƯỚI CHẾ ĐỘ APACTHAI Ở NAM PHI

Với nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào như vàng, kim cương, uranium, quặng sắt, mangan, platinum và vanadium... để giúp Nam Phi có điều kiện thuận lợi trở thành một trong những nước công nghiệp trên thế giới. Thế nhưng vào năm 1948, Đảng Quốc gia lên nắm quyền ở Nam Phi đã dựng lên chế độ Apacthai – một chế độ phân biệt chủng tộc, quy định công dân của các nhóm chủng tộc khác nhau có những quyền khác nhau. Chế độ Apacthai ở Nam Phi là công cụ của người da trắng bóc lột người da đen (Người da đen ở Nam Phi bao gồm người da đen châu Phi, người da màu và người Ấn Độ) với mục đích tạo nguồn lao động rẻ để khai thác tài nguyên. Song trải qua hơn 4 thập kỷ từ khi bắt đầu lên nắm chính quyền năm 1948 đến khi chấm dứt vào năm 1994, chế độ Apacthai đã để lại những hậu quả kinh tế và xã hội to lớn.

Trước hết phải kể đến những ảnh hưởng nghiêm trọng của chế độ Apacthai đối với nền kinh tế Nam Phi.

1. Tăng trưởng không bền vững và không khai thác hết tiềm năng kinh tế vốn có

Trước Đại chiến thế giới lần thứ II, ngành khai thác tài nguyên và nông nghiệp vốn là hai ngành quan trọng góp tỷ trọng nhiều nhất cho sản lượng quốc dân của Nam Phi. Sau Đại chiến thế giới lần thứ II, với sự hỗ trợ của chính phủ, ngành công nghiệp đã lớn mạnh và trở thành ngành quan trọng trong tổng sản lượng quốc nội (GDP) của Nam Phi. Đến năm 1954, ngành công nghiệp đã chiếm hơn 1/4 GDP và lớn hơn so với ngành nông nghiệp và ngành khai khác cộng lại. Những năm sau đó, ngành công nghiệp vẫn có chiều hướng tăng trưởng còn ngành nông nghiệp lại giảm nhanh chóng và ngành khai khác vẫn duy trì được mức tăng trưởng tương đối ổn định. Đến năm 1970, tỷ trọng của ngành công nghiệp trong GDP so với hai ngành kia gấp 1,8 lần, chiếm 30,8% GDP của Nam Phi (xem bảng 1).

Đầu những năm 1970, cùng với xu thế phát triển kinh tế trên thế giới, các ngành truyền thống như nông, lâm, ngư nghiệp, khai thác khoáng sản, đặc biệt là khai thác vàng ở Nam Phi giảm nhanh chóng nhường chỗ cho sự phát triển nhanh của



ngành công nghiệp và ngành dịch vụ (xem bảng 2). Thế nhưng, chính phủ Apacthai vẫn coi ngành khai thác là ngành then chốt và có vai trò sống còn đối với nền kinh tế của Nam Phi bởi vì việc xuất khẩu khoáng sản, đặc biệt là vàng đã mang lại một nguồn ngoại tệ lớn cho Nam Phi. Do vậy, khi tầm quan trọng của vàng trong GDP bị giảm đã tác động nhiều đến cân

thanh toán của Nam Phi. Hơn thế nữa khi giá vàng (và doanh thu xuất khẩu vàng) giảm, thì các ngành địa phương thường không có khả năng tài chính để nhập khẩu máy móc và đầu vào cần thiết khác cho việc duy trì sản xuất dẫn đến xuất khẩu của các ngành khác cũng bị giảm theo.

Bảng 1. Tỷ trọng của các ngành trong GDP của Nam Phi từ năm 1948 đến năm 1970 (%)

Năm	Nông nghiệp	Khai thác	Công nghiệp (bao gồm sản xuất, xây dựng, điện, khí và nước)	Tỷ trọng ngành công nghiệp so với ngành nông nghiệp và khai thác
1948	16,4	10,0	23,3	0,88
1954	16,1	10,4	26,4	1,00
1960	12,4	12,7	26,6	1,06
1965	10,1	11,0	30,4	1,44
1970	7,9	9,0	30,8	1,81

Nguồn: *Thống kê Nam Phi, 1992, tr.21.8.*

Bảng 2. Tăng trưởng GDP thực tế theo ngành từ năm 1948 -1994 (Tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm) (%)

Năm	Nông, Lâm Ngư nghiệp	Khai thác	Khai thác vàng	Công nghiệp	Dịch vụ
1948-1964	2,8	5,8	5,9	6,5	4,0
1964-1973	3,2	0,5	-0,6	7,6	5,5
1973-1981	3,1	-0,5	-3,3	4,6	3,8
1981-1994	0,7	-0,1	-0,9	0,0	1,8

Nguồn: *Tính dựa vào những số liệu giá trị gia tăng của ngành công nghiệp theo giá tại thời điểm năm 1995, Thống kê Nam Phi, 2002, tr. 19.3-19.4.*

Trước những thay đổi đó, đáng lẽ chính phủ Apacthai phải kịp thời điều chỉnh cơ cấu kinh tế Nam Phi đi theo đúng quy luật, song chính phủ Apacthai lại coi trọng ngành khai thác để tận dụng nguồn lao động da đen rẻ, nên chính sách cơ cấu kinh tế thiên lệch đã không giúp nền kinh tế của Nam Phi tăng trưởng mà tác động

ngược lại làm cho tăng trưởng kinh tế của Nam Phi cuối thập kỷ 1970 và đầu thập kỷ 1980 giảm đi. Không chỉ bởi doanh thu từ vàng giảm và còn do giá nhập khẩu dầu tăng cao sau một loạt cuộc khủng hoảng dầu lửa trên thế giới, thêm vào đó cạnh tranh quốc tế về các hàng hoá xuất khẩu truyền thống khác cũng trở nên gay gắt,

đồng thời trình độ của lực lượng lao động mà phần đông là người da đen cũng không đáp ứng nổi những yêu cầu phát triển của ngành nghề mới. Bên cạnh đó, hàng loạt đợt hạn hán đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản lượng nông nghiệp của Nam Phi. Tất cả những lý do đó đã làm giảm tốc độ tăng trưởng GDP trung bình hàng năm của Nam Phi trong giai đoạn từ năm 1973 đến năm 1983 xuống còn 0,0% (xem bảng 3).

Bên cạnh đó, nếu như năm 1969, tỷ lệ lạm phát trung bình hàng năm của Nam Phi chỉ khoảng 3%, thì đến năm 1974, tỷ lệ lạm phát của Nam Phi đã tăng 10% và biến động giữa 11% và 14% trong những năm đầu thập kỷ 1980, và đặc biệt năm 1986 lạm phát ở mức cao 18,6% là do đồng Rand của Nam Phi mất giá, giá dầu lên xuống bất thường mà chủ yếu Nam Phi phải nhập khẩu qua “thị trường đen” vì lệnh cấm vận. Đầu những năm 1990, lạm phát vẫn tiếp tục tăng lên 2 con số đã gây ảnh hưởng xấu đối với tốc độ tăng trưởng kinh tế của Nam Phi.

Những năm đầu thập kỷ 1980, tình hình bạo lực ở Nam Phi ngày càng gia tăng kéo theo khủng hoảng về chính trị, xã hội rối loạn đã buộc thế giới phải áp dụng lệnh cấm vận kinh tế đối với chế độ Apacthai của Nam Phi, điều này càng khiến cho nền kinh tế của Nam Phi trở nên trì trệ. Tăng trưởng GDP bình quân đầu người (theo giá cố định) giai đoạn 1983-1994 giảm xuống mức -1,2% và trở thành nước có mức tăng trưởng, thu nhập bình quân đầu người thấp nhất so với một số nước khác.

Nếu so sánh với Nhật Bản - một đất nước nghèo nàn về tài nguyên thiên nhiên và đã từng là một đất nước bị bại sau chiến tranh thế giới II, song Nhật Bản đã biết tận dụng mọi nguồn lực để trỗi dậy và trở thành “một nền kinh tế thần kỳ” trên thế giới, thì Nam Phi - một đất nước với nguồn tài nguyên thiên nhiên giàu lại bỏ qua cơ hội khai thác và không biết tận dụng hết các tiềm năng kinh tế sẵn có của đất nước này để trở thành một trong những quốc gia công nghiệp phát triển mạnh trên thế giới.

Bảng 3. Tăng trưởng GDP bình quân đầu người theo giá cố định của Nam Phi so với quốc tế giai đoạn 1950-1994 (%)

	1950 - 1971	1973 - 1983	1983 - 1994
Nhật Bản	8,8	2,3	2,9
7 nước châu Âu	5,2	1,8	2,1
7 nước châu Á khác	3,5	3,6	4,7
6 nước châu Mỹ Latinh	2,7	1,1	1,2
3 nước Dominion	2,5	1,3	1,8
Nam Phi	2,2	0,0	-1,2
5 nước châu Phi khác	2,0	1,6	0,0

Nguồn: Maddison, Kinh tế thế giới, tr. 185, 195, 215, 224, 276-279, 288-9, 304-5, và 322-6.

2. Cơ cấu kinh tế thiên lệch và nằm trong tay người da trắng

Đảng Quốc gia tin rằng với chính sách Apacthai phân biệt chủng tộc, ưu tiên người da trắng, bóc lột người da đen để tận dụng nguồn lao động rẻ sẽ là “động lực để vực nên kinh tế Nam Phi thoát khỏi tình trạng trì trệ, là đòn bẩy phát triển kinh tế của Nam Phi”¹. Chính vì vậy, hầu hết tất cả các ngành kinh tế ở Nam Phi dưới chế độ Apacthai từ nông nghiệp, công nghiệp cho đến ngân hàng tài chính đều nằm trong tay người da trắng, trong khi đó người da trắng chỉ chiếm khoảng 2,2%² dân số Nam Phi.

Ở Nam Phi 80% đất đai nông nghiệp nằm trong tay người da trắng. Do những quy định bất công của chế độ Apacthai, người da đen không có quyền sở hữu những mảnh đất màu mỡ, họ phải làm thuê trong các đồn điền, trang trại của người da trắng, có chăng thì họ chỉ được sử dụng những mảnh đất cằn cỗi rất khó canh tác. Người da đen là lực lượng lao động chính trong các ngành công nghiệp song các nhà máy, xí nghiệp, hầm mỏ lại do các ông chủ da trắng cai quản. Sự giàu có của thiểu số các ông chủ da trắng đều dựa trên sự khai thác sức lao động của đa số công nhân da đen.

Cùng với sự phát triển của ngành công nghiệp, ngành tài chính ở Nam Phi cũng ngày càng mở rộng. Đây cũng là một nhân tố khiến vốn tư bản của tầng lớp người Nam Phi gốc Âu ngày càng lớn mạnh. Trong những năm 1970, doanh thu trong ngành sản xuất và xây dựng của người da trắng ở Nam Phi tăng 15%, ngành tài chính tăng 25% và ngành khai thác tăng

30%³. Ngoài ra, được sự hậu thuẫn của chính phủ, chẳng hạn như điều khoản về “giữ việc – ưu tiên một số công việc cho người da trắng” mà chính phủ lại là của người da trắng nên dễ nhận thấy rằng sự thành công kinh tế của người da trắng là tất nhiên và rủi ro kinh tế của người da đen là điều không tránh khỏi.

Sự thiên vị về kinh tế như vậy của chế độ Apacthai làm cho người da trắng trở nên giàu có, còn ngược lại người da đen càng ngày càng nghèo đi. Hay nói một cách khác, khoảng cách giàu nghèo ở Nam Phi dưới chế độ Apacthai rất rộng, điều đó làm cho nền kinh tế của đất nước này trong những năm tháng Apacthai phát triển không toàn diện, què cụt. Có thể nói rằng chính phủ Apacthai đã không biết khuyến khích các thành phần kinh tế cũng như tập hợp nguồn lực lao động không những của người da trắng mà còn của người da đen thành sức mạnh làm giàu đất nước. Chính sách phân biệt chủng tộc, chính sách thiên lệch kinh tế của chế độ Apacthai đã làm yếu đi sức mạnh đó khiến nền kinh tế Nam Phi rơi vào tình trạng trì trệ và khủng hoảng kinh tế tất yếu xảy ra.

3. Nợ nước ngoài chồng chất

Nhằm bù đắp thâm hụt của Ngân hàng Dự trữ Nam Phi do khủng hoảng tài chính và để duy trì chế độ Apacthai, chính phủ nước này đã sử dụng tín dụng nước ngoài như một biện pháp cứu cánh. Các khoản vay nước ngoài của Nam Phi tăng từ 40% lên đến 70%, trong khi đó vốn cổ phiếu trong nước giảm từ 60% trong năm 1970 xuống còn dưới 30% vào năm 1984. Đặc biệt đến năm 1984, nợ ròng của Nam Phi



đối với các ngân hàng quốc tế tăng nhanh chóng chiếm khoảng 2/3 các khoản vay lớn có kỳ hạn thanh toán trong vòng 1 năm, trong đó riêng ngành ngân hàng của Nam Phi đã mắc nợ nước ngoài chiếm 40%, khu vực công là 16%, còn khu vực tư nhân là 40%.

Do lệnh cấm vận kinh tế, đến năm 1985 Nam Phi rơi vào cuộc khủng hoảng nợ nước ngoài nghiêm trọng khi một nhóm các ngân hàng mà đứng đầu là ngân hàng Chase Manhattan rút dần vốn tín dụng. Các ngân hàng từ chối gia hạn các khoản đang cho vay và chỉ đồng ý tăng các khoản vay ngắn hạn. Bên cạnh đó, giá trị đồng Rand sụt mạnh đã buộc chính phủ Apacthai tạm thời phải đóng cửa thị trường tài chính và thị trường chứng khoán. Không thể ngay lập tức giải quyết các khoản nợ, chính phủ Apacthai tuyên bố đóng băng việc trả nợ trị giá 14 tỷ USD trong tổng số 24 tỷ USD nợ nước ngoài của Nam Phi.

Trong giai đoạn đóng băng này, các quan chức chính phủ Nam Phi gặp gỡ với đại diện các ngân hàng tín dụng và đưa ra kế hoạch trả nợ, trong đó sẽ gia hạn thời gian đóng băng nợ từ năm 1985 đến tháng 6 năm 1987 mà cụ thể là đến tháng 4 năm 1987 sẽ thanh toán 5% tổng số nợ nước ngoài. Khoản thanh toán ban đầu trị giá 420 triệu USD được thực hiện vào giữa tháng 4 năm 1986, song nhiều khoản nợ phải gia hạn thêm cho mãi đến năm 1987 và 1989 mới thực hiện. Chẳng hạn như hiệp định năm 1989, Nam Phi đã cam kết thanh toán khoản nợ nước ngoài trị giá 6 tỷ USD trong 4 năm trong tổng số nợ nước ngoài trị giá 14 tỷ USD.

Tính đến năm 1993, nợ nước ngoài của Nam Phi (tính tương đối) lên tới 50 tỷ Rand (không kể các khoản nợ của Ngân hàng Dự trữ Nam Phi (SARB); tín dụng thương mại và các khoản đầu tư trực tiếp và gián tiếp trong khu vực tư nhân). Còn nếu tính cộng cả các cơ quan chính quyền công và các công ty quốc doanh không kể cổ phiếu thì tổng nợ nước ngoài của chế độ Apacthai lên đến 86 tỷ Rand vào năm 1993. 90% nợ nước ngoài dài hạn năm 1993 của chế độ Apacthai chủ yếu là nợ 4 nước tín dụng lớn là Mỹ, Đức, Thụy Sĩ và Anh quốc⁴.

Có thể nói rằng một đất nước được thiên nhiên ưu đãi cho các nguồn tài nguyên, đặc biệt phong phú về vàng và kim cương là điều kiện thuận lợi để trở nên giàu có, thế nhưng chế độ Apacthai đầy bất công và tàn bạo đã không biết phát huy và khai thác những sức mạnh vốn có của Nam Phi để biến nước này thành một nước công nghiệp phát triển mà ngược lại, đã kìm hãm sự lớn mạnh của Nam Phi khiến Nam Phi rơi vào cảnh khủng hoảng tài chính, nợ nần chồng chất. Chính vì vậy, chỉ khi nào Nam Phi khắc phục được tình trạng phân biệt chủng tộc thì khi đó đất nước này mới có khả năng phát triển được.

4. Cô lập kinh tế với khu vực và tụt hậu so với thế giới

Trước hình hình xã hội bất ổn và bạo lực gia tăng, năm 1985 thế giới đã áp dụng lệnh cấm vận kinh tế đối với Nam Phi để gây áp lực buộc Nam Phi phải chấm dứt chế độ Apacthai. Trong giai đoạn từ năm 1985 đến 1993, các nhà đầu

tư nước ngoài đã rút vốn khỏi Nam Phi và dừng các hoạt động đầu tư và cho vay mới đối với Nam Phi. Kết quả là dòng vốn nước ngoài giảm nhanh chóng.

Để có thể đánh giá tình hình đầu tư nước ngoài ở Nam Phi bị ảnh hưởng như thế nào từ chế độ Apacthai, trước hết chúng ta phải tìm hiểu tình hình đầu tư nước ngoài trước khi có lệnh cấm vận.

Trước khi có lệnh cấm vận kinh tế năm 1985, Nam Phi có tài khoản vốn mở và các nhà đầu tư nước ngoài cũng tích cực tham gia đầu tư ở nước này bởi vì nguồn tài nguyên phong phú của đất nước này. Trong giai đoạn từ năm 1970 đến năm 1985, dòng vốn ròng trung bình chiếm khoảng 2,2% GDP và tổng nợ nước ngoài của Nam Phi chiếm 53% GDP của nước này. Đến năm 1985, tổng số nợ nước ngoài so với GDP tăng từ 53% lên đến gần 70% (trong đó nợ của khu vực công chiếm 37% còn khu vực ngân hàng và phi ngân hàng chiếm khoảng 63%). Tuy nhiên, tỷ lệ FDI giảm xuống 25% và danh mục đầu tư giảm 13% trong khi đó tỷ lệ vốn vay thì tăng từ 40% lên hơn 60% và đỉnh điểm lên đến 70% đối với những khoản vay có kỳ hạn thanh toán trong 1 năm⁵. Việc chuyển hình thức nợ từ FDI và danh mục đầu tư thành nợ đã phản ánh mong muốn của các nhà đầu tư nước ngoài muốn giảm rủi ro của họ ở Nam Phi do tình trạng chính trị bất ổn, điều đó đã buộc Nam Phi phụ thuộc vào vốn vay hơn là FDI và vốn cổ phiếu để triển khai các nhu cầu đầu tư. Chính phủ Apacthai khuyến khích vay nước ngoài bằng cách chính phủ đứng ra bảo đảm và tạo điều kiện cho các ngân

hàng nước ngoài và đồng thời ổn định các khoản nợ do hoán đổi bằng vàng hay chính phủ vay của IMF. Mặc dù chính phủ Apacthai cũng đã cố nỗ lực, song tình hình đầu tư ở Nam Phi ngày càng xấu đi.

Hàng loạt các cuộc biểu tình và nổi loạn của người da đen chống lại sự bất bình đẳng của chế độ Apacthai thường xuyên diễn ra ở nhiều nơi của Nam Phi kéo theo sự đàn áp dã man của chính phủ Apacthai. Trước tình hình xã hội bất ổn và bạo lực gia tăng khiến thế giới phải áp dụng biện pháp cấm vận kinh tế đối với Nam Phi kể từ năm 1984. Đây cũng được coi là giai đoạn đánh dấu thời kỳ ngừng đầu tư nước ngoài ở Nam Phi.

Một loạt các công ty nước ngoài đang kinh doanh tại Nam Phi quyết định dừng đầu tư hoặc thôi không đầu tư mới hoặc thôi không tái đầu tư ở Nam Phi. Chẳng hạn, tính đến tháng 1 năm 1984, có khoảng 350 đến 400 công ty của Mỹ có đầu tư trực tiếp ở Nam Phi. Theo Trung tâm Nghiên cứu Trách nhiệm của các nhà đầu tư thì 7 công ty đã rút vốn FDI vào năm 1984 và sau đó vào năm 1985, 39 công ty tiếp tục rút vốn FDI. Trong năm 1986 diễn ra đợt rút vốn FDI ồ ạt của các công ty Mỹ. 40 công ty Mỹ đã dời hoạt động kinh doanh khỏi Nam Phi và 13 công ty khác của Mỹ cũng tuyên bố họ có ý định rút vốn FDI khỏi Nam Phi. Đến tháng 6 năm 1987, thêm 39 công ty khác của Mỹ ra đi và một số khác tuyên bố ý định chuyển đầu tư ra khỏi Nam Phi. Tính đến giữa năm 1988, chỉ còn lại 136 công ty của Mỹ ở lại Nam Phi⁶.

Bên cạnh các công ty tư nhân, hàng loạt nước và một số bang của Mỹ đã thông qua luật cấm đầu tư vốn của bang hoặc nước mình vào các công ty đang hoạt động kinh doanh ở Nam Phi. Vào năm 1986, California tuyên bố dừng đầu tư thường xuyên trị giá 11 tỷ USD cho các công ty có quan hệ với Nam Phi. Đến cuối năm 1988, 23 bang, 19 nước và 79 thành phố đều đồng ý thông qua một loạt biện pháp kinh tế cấm vận Nam Phi⁷. Pháp cũng cấm đầu tư mới và cho vay đối với Nam Phi.

Các ngân hàng nước ngoài tham gia vào lệnh cấm vận kinh tế đối với Nam Phi. Đến giữa năm 1985, các ngân hàng của Mỹ công bố rút 1 tỷ USD. Đến mùa thu năm 1986, ngân hàng Barclays (nhà đầu tư lớn nhất Anh ở đất nước này) cũng đã thôi không đầu tư vào Nam Phi. Các ngân hàng khác của Anh đã cho Nam Phi vay hơn 3 tỷ USD tiền nợ đến hạn phải trả vào năm 1987 song họ cũng không hào hứng cho Nam Phi vay thêm các khoản vay mới⁸.

Với những lợi thế về tài nguyên, Nam Phi thực sự là mảnh đất màu mỡ để các công ty nước ngoài nhảy vào đầu tư kinh doanh, song chính sách phân biệt chủng tộc Apartheid đã khiến cho Nam Phi đánh

mất đi cơ hội đó. Theo tính toán của Tổng cục Kế toán Mỹ, những thiệt hại mà lệnh cấm vận kinh tế áp đặt đối với nền kinh tế Nam Phi là 10,8 tỷ USD vốn FDI đã chảy ra khỏi Nam Phi trong giai đoạn từ tháng 1 năm 1985 đến tháng 6 năm 1989, trong đó 3,7 tỷ USD tái thanh toán khoản vay cho ngân hàng, còn 7,1 tỷ USD tái thanh toán các khoản nợ và vốn⁹.... Cũng tương tự như vậy, Ngân hàng Ủy thác – một ngân hàng thương mại của Nam Phi cũng tính rằng Nam Phi đã để tuột khỏi tay gần 14 tỷ USD gồm các khoản cho vay và đầu tư trực tiếp từ năm 1985 đến năm 1990 so với các khoản vay và đầu tư trực tiếp trong giai đoạn trước năm 1985¹⁰. Còn IMF thì ước tính rằng Nam Phi đã bỏ lỡ 8 tỷ USD đầu tư nước ngoài từ năm 1985 đến năm 1991, khoản tiền này chiếm 3% GDP tính lũy trong giai đoạn 1985 đến 1991.

Tóm lại, chế độ Apartheid với những chính sách phân biệt chủng tộc thiên lệch người da trắng đã không khai thác hết tiềm năng kinh tế vốn có của Nam Phi khiến nền kinh tế rơi vào tình trạng suy thoái. Nếu chế độ Apartheid không bị thủ tiêu thì Nam Phi chắc chắn ngày càng tụt hậu so với thế giới và bỏ lỡ cơ hội hội nhập khu vực và thế giới.

Chú thích

¹ Bài phát biểu của Verwoerd, Quốc hội Nam Phi, Ngày 9 tháng 3 năm 1960, tr.342.

² Đánh giá dân số giữa năm, Nam Phi (<http://www.statssa.gov.za/publications/P0302/P03022006.pft>) (PDF), Statistics South Africa (2006).

³ M. Lipton, Chủ nghĩa tư bản và Apartheid: Nam Phi, 1910-1986, London: Gower/Temple Smith, 1985, tr. 411.

⁴ The Library of Congress Country Studies, South Africa Economic Distortions and Apartheid, CIA World Factbook

⁵ Brahim Coulibaly, Effects Autarky and Integration: The case of the South Africa Embargo, September 2005, p. 5.

⁶Lipton 1998, 64; Baker 1989. 59

⁷ Chettle 1982, 106-08; Tờ thời báo New York, 28 tháng 10 năm 1984, A18; Thời báo Los Angeles, ngày 25 tháng 12 năm 1984, A1; và Lipton 1988, 23-24; Baker 61.

⁸ Bưu điện Washington, ngày 1 tháng 9 năm 1985, A1

⁹ GAO 1999, 12, 17

¹⁰ Theo tờ Kinh tế, ngày 10 tháng 2 năm 1990, 69

Tài liệu tham khảo

1. *History of South Africa in the Apartheid Era* – Wikipedia, [Http://en.wikipedia.org/wiki/Apartheid](http://en.wikipedia.org/wiki/Apartheid).

2. Charles H. Feinstein, *An Economic History of South Africa*, Cambridge University Press, 2005, 302p.

3. Gavan Tredoux, *Apartheid Revisited*.

4. Brahim Coulibaly, *Effects of Financial Autarky and Integration: The Case of the South Africa Embargo*, September 2005.

5. *South Africa Economic Distortions and Apartheid*, The Library of Congress Country Studies, CIA World Factbook.

6. Stuart M. Butler, *An Investment Strategy to Undermine Apartheid*, April 30, 1985.

7. The International Development Research Centre, *The Economic Legacy of Apartheid*, Canada.

Tổng hợp: Phạm Kim Huế

Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông